

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN YÊN THÀNH
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 46/2022/HNGĐ-ST
Ngày 20 tháng 5 năm 2022
“V/việc tranh chấp về hôn nhân gia đình”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN THÀNH - TỈNH NGHỆ AN

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Anh Ngọc

Các hội thẩm nhân dân: Ông Thái Văn Thành – Ông Phan Văn Hưng.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Công Hưng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Thành - tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Thành - tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Không tham gia.

Trong ngày 20 tháng 5 năm 2022 tại Tòa án nhân dân huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 132/2022/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 03 năm 2022 về Tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 69/2022/QĐST- HNGĐ ngày 18/4/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 26/2022/QĐ-HPT ngày 04/5/2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị K, sinh ngày 19/10/1979.

Trú tại: xóm 2, xã B, huyện Y, tỉnh Nghệ An. (Có mặt)

- Bị đơn: Anh Nguyễn Đình Đ, sinh ngày 15/8/1968.

Trú tại: xóm 2, xã B, huyện Y, tỉnh Nghệ An. (Vắng mặt lần thứ 2 tại phiên tòa không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện, trình bày tại bản khai và trình bày tại phiên tòa của nguyên đơn thì vụ án có nội dung.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị K và Anh Nguyễn Đình Đ cưới nhau vào tháng 12/2011. Trước khi cưới hỏi anh chị có quá trình yêu đương tìm hiểu, hôn nhân trên cơ sở tình yêu, tự nguyện. Chị K, Anh Đ đã làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện Y, tỉnh Nghệ An được cấp giấy chứng nhận kết hôn số: 80 ngày 29/12/2021. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng

không phù hợp, bất quan điểm, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung trong hôn nhân, chồng xử sự thiếu tôn trọng vợ đã đánh đập chửi bới chị K nhiều lần. Tháng 10/2021 thì mâu thuẫn diễn ra hết ra hết sức sâu sắc, đã gây nên sự khó chịu, ảnh hưởng đến tâm lý của chị K. Do mâu thuẫn xảy ra liên tục trong cuộc sống chung đã làm mất tình cảm vợ chồng, hôn nhân đổ vỡ. Chị K xác định hôn nhân đã đổ vỡ, tình cảm vợ chồng đã mất, khó duy trì hôn nhân, nên chị đã sống ly thân cắt đứt các mối liên hệ, quan hệ đối với anh Đ từ cuối năm 2021 cho đến nay. Mâu thuẫn của vợ chồng đã được gia đình hai bên đã hòa giải vun vén nhưng không đưa lại kết quả gì, ngược lại mâu thuẫn vợ chồng xảy ra ngày càng trầm trọng, sâu sắc hơn. Chị K xác định không còn tình cảm đối với anh Đ nữa, hôn nhân đã đổ vỡ, dù có hòa giải đến đâu cũng thể đoàn tụ, Chị K đề nghị Tòa giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Đình Đ.

- Về quan hệ con chung: Vợ chồng có 01 con chung cháu Nguyễn Đình K (Giới tính: nam), sinh ngày 01/02/2013. Từ ngày vợ chồng sống ly thân con chung đang được Chị K trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, Anh Đ không có trách nhiệm gì đối với con chung. Nếu ly hôn chị K yêu cầu giao con chung cho chị trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, con chung có nguyện vọng được sinh sống trực tiếp mẹ. Chị K không yêu cầu Anh Đ thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về quan hệ tài sản: Chị Nguyễn Thị K không yêu cầu tòa giải quyết.

Đối với bị đơn anh Nguyễn Đình K, quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng hợp lệ, yêu cầu anh có mặt tại tòa án để giải quyết vụ án, nhưng anh không hợp tác, cố tình vắng mặt, do đó Tòa án không thu thập được ý kiến, lời khai, trình bày của anh để lưu tại hồ sơ. Song qua các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và xác minh tình trạng hôn nhân, con chung chưa thành niên tại địa phương thì về quan hệ hôn nhân, quan hệ con chung giữa Chị Nguyễn Thị K và anh Nguyễn Đình Đ cơ bản đúng như nguyên đơn đã trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện qui định tại Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho nguyên đơn chị Nguyễn Thị K, bị đơn anh Nguyễn Đình Đ, yêu cầu các đương sự có mặt tại tòa án để giải quyết, nhưng anh Đ không chấp hành, không hợp tác. Vì vậy, Tòa án đã lập biên bản theo quy định của pháp luật Tố tụng dân sự làm cơ sở để giải quyết vụ án.

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy báo phiên tòa lần thứ nhất đối với các đương sự. Tại phiên tòa lần thứ nhất nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt không có lý do, Hội đồng xét xử đã ra Quyết định hoãn phiên tòa trong đó ấn định về thời gian tiếp tục xét xử vụ án. Tòa án tiếp tục tổng đạt hợp lệ

Quyết định hoãn phiên tòa và Giấy báo phiên tòa lần thứ hai cho các đương sự. Tại phiên tòa lần thứ hai nguyên đơn chị Nguyễn Thị K có mặt, bị đơn anh Nguyễn Đình Đ tiếp tục vắng mặt không có lý do, căn cứ điểm b, khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử, tiến hành xét xử vụ án vắng mặt đối với bị đơn anh Nguyễn Đình Đ.

[2] Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Điều kiện kết hôn, trình tự thủ tục tiến tới hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị K và anh Nguyễn Đình Đ đảm bảo đúng quy định của pháp luật, hôn nhân giữa chị K, anh Đ là tự nguyện tiến tới hôn nhân. Trước khi cưới chị K, anh Đ đã làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện Y, tỉnh Nghệ An được cấp giấy chứng nhận kết hôn số: 80 ngày 29/12/2021 nên xác định hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị K và anh Nguyễn Đình Đ là hôn nhân hợp pháp.

Mâu thuẫn cơ bản dẫn đến hôn nhân giữa chị K, anh Đ tan rã, đổ vỡ là quá trình sống chung vợ chồng không tìm được tiếng nói, lối đi chung trong hôn nhân, anh K đã có những xử sự, lời nói không chuẩn mực đối với vợ, sống thiếu tôn trọng chị K trong cuộc sống chung, thậm chí còn đánh đập chị K nhiều lần. Quá trình sống ly thân vợ chồng không có ý thức níu kéo hôn nhân để mặc hậu quả xảy ra, điều này cho thấy hôn nhân giữa chị K, anh Đ đã hoàn toàn đổ vỡ, không thể hàn gắn. Nay chị K yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Đ với mục đích giải phóng hôn nhân, ổn định cuộc sống là có căn cứ, cần xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị K đối với anh Nguyễn Đình Đ.

- Về quan hệ con chung: Từ ngày vợ chồng sống ly thân con chung của vợ chồng được chị K trực tiếp nuôi dưỡng. Mặc dù không có sự hỗ trợ của anh Đ về vật chất, tinh thần, nhưng chị vẫn nuôi dạy con tốt, con chung phát triển tốt về mọi mặt. Nay chị K đề nghị giao con chung cho chị được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng là đúng phù hợp với pháp luật và đạo đức xã hội, phù hợp với nguyện vọng của con chung, đảm bảo quyền lợi cho sự phát triển cho con chung của chị K anh Đ, nên cần chấp nhận về việc đề nghị giao con của chị Nguyễn Thị K.

Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Do chị K không yêu cầu anh Đ thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng với chị K nên tòa miễn xét.

- Về quan hệ tài sản: Chị Nguyễn Thị K không yêu cầu tòa giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

- **Về án phí:** Buộc chị Nguyễn Thị K phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 56; 81; 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Xử:

1. Về quan hệ tình cảm: Chị Nguyễn Thị K được ly hôn anh Nguyễn Đình Đ.

2. Về quan hệ con chung: Giao con chung cháu Nguyễn Đình K (Giới tính:

nam), sinh ngày 01/02/2013 cho chị Nguyễn Thị K trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng đến lúc con chung đủ tuổi trưởng thành. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho anh Nguyễn Đình Đ cho đến lúc có yêu cầu.

Anh Nguyễn Đình Đ người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom chăm sóc con chung không được ai cản trở, năn cấm.

Vì lợi ích của con các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí: Áp dụng điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự: Điều 26: Điều 27 của nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội qui định về mức thu, miễn giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

- Buộc: Chị Nguyễn Thị K phải nộp 300.000đ(Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được tính trừ 300.000đ(Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí chị đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An theo biên lai số: 0011145 ngày 11/03/2022, chị K đã nộp đủ án phí.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo lên tòa án cấp phúc thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo lên tòa án cấp phúc thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết tại trụ sở UBND xã B, huyện Y, Nghệ An và nơi cư trú cuối cùng của bị đơn.

Nơi nhận:

- Các đương sự,
- VKSND H. Yên Thành.
- CC THA DS H. Yên Thành.
- TAND tỉnh Nghệ An
- VKSND tỉnh Nghệ An
- Lưu HSVA
- UBND xã B(Nơi ĐKKH)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Vũ Anh Ngọc